

# ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG QUẢN TRỊ CÔNG THỨC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

ĐẶNG THÀNH LÊ (\*)

**Tóm tắt:** Dù đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng về phát triển Chính phủ điện tử tiến tới Chính phủ số, mở rộng cung cấp dịch vụ công trực tuyến và từng bước hình thành hạ tầng dữ liệu quốc gia, song chúng ta vẫn đối diện nhiều thách thức như bất bình đẳng số, hạn chế về hạ tầng và nguồn nhân lực, cũng như yêu cầu đảm bảo an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Để khắc phục những hạn chế, thách thức, cần đánh giá lại thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị công, tạo động lực để vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, vừa bảo đảm phát triển bền vững trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

**Từ khóa:** Chuyển đổi số; đẩy mạnh; phát triển bền vững; tăng trưởng kinh tế; Việt Nam.

**Abstract:** Despite achieving significant milestones in the development of e-government towards a digital government, expanding online public services, and gradually establishing national data infrastructure, Vietnam still faces numerous challenges, including digital inequality, limitations in infrastructure and human resources, as well as requirements for cybersecurity and personal data protection. To overcome these limitations and challenges, it is necessary to reassess the current situation and propose solutions to promote digital transformation in public administration, creating momentum to simultaneously drive economic growth and ensure sustainable development in the new era of the nation.

**Keywords:** digital transformation; promotion; sustainable development; economic growth; Vietnam.

Ngày nhận bài: 15/10/2025    Ngày biên tập: 07/11/2025    Ngày duyệt đăng: 19/11/2025

**C**huyển đổi số được hiểu là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số<sup>(1)</sup>. Nói cách khác, đây là quá trình chuyển từ môi trường thực sang môi trường số, gắn với việc sử dụng công nghệ để thay đổi phương thức hoạt động, tương tác và quản lý của tổ chức, cá nhân và hệ thống xã hội nói chung. Trong quản trị công, chuyển đổi số được hiểu là việc áp dụng công nghệ và dữ liệu số vào các hoạt động quản lý nhà

nước, từ ra quyết định, điều hành, quản lý đến cung cấp dịch vụ công... nhằm tạo ra một hệ thống quản lý hiện đại, linh hoạt, minh bạch và có khả năng tương tác cao với người dân, tổ chức, doanh nghiệp và xã hội.

**1. Thực trạng ứng dụng chuyển đổi số trong quản trị công ở Việt Nam và tác động đến tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững**

**1.1. Chủ trương, quan điểm của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số trong quản trị công**

Những năm qua, Đảng và Nhà nước ta xác định công tác chuyển đổi số là chủ trương chiến lược nhằm thúc đẩy sự chuyển đổi

(\*) TS; Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

toàn diện phương thức phát triển và quản trị quốc gia. Cụ thể, Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0), trong đó khẳng định phải chủ động tham gia CMCN 4.0, xây dựng hệ thống pháp luật, tiêu chuẩn, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực công nghệ cho cả nền kinh tế, tạo cơ sở quan trọng cho các chủ trương, giải pháp chuyển đổi số sau này. Trên cơ sở quan điểm của Đảng, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 về Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” để cụ thể hóa Nghị quyết số 52-NQ/TW thành các mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể, trong đó khẳng định: phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số; xây dựng hạ tầng số, dữ liệu số và thúc đẩy hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số.

Khung pháp lý liên quan tới an toàn, an ninh và quản trị dữ liệu cũng được chú trọng bổ sung, như Luật An ninh mạng năm 2018 và các văn bản liên quan đặt ra yêu cầu bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự trên không gian mạng. Đồng thời, Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược an toàn, an ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 cũng nhấn mạnh xây dựng năng lực, chuẩn mực, hạ tầng và ứng phó sự cố; Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đã tạo nền tảng pháp lý và định hướng phát triển kinh tế số gắn với xã hội số. Những văn bản này hình thành khung khổ pháp lý cơ bản để bảo đảm chuyển đổi số an toàn và có trách nhiệm. Ở cấp bộ, ngành và địa phương, nhiều kế hoạch, bộ chỉ số và quyết định triển khai cụ thể bảo đảm thực thi đã được ban hành.

Có thể thấy, hệ thống chính sách, chiến lược và văn bản pháp lý của Việt Nam trong những năm gần đây đã được ban hành có tính đồng bộ ở mặt định hướng (từ Đảng,

Chính phủ), sự tập trung chỉ đạo của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số do Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch và nỗ lực xây dựng nền tảng pháp lý về an ninh, dữ liệu và kinh tế số của các bộ, ngành, địa phương. Chúng ta đã xây dựng được “khung chiến lược - tổ chức - pháp lý” khá hoàn chỉnh để thúc đẩy chuyển đổi số trong quản trị công; bước tiếp theo đòi hỏi tập trung hoàn thiện pháp chế về dữ liệu, tăng cường phối hợp liên ngành, ưu tiên nguồn lực triển khai thực tiễn và nâng cao năng lực số của cán bộ, công chức để hiện thực hóa những chủ trương chiến lược thành kết quả thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với phát triển bền vững.

### **1.2. Những thành tựu đạt được của việc ứng dụng chuyển đổi số trong quản trị công**

*Thứ nhất, kiện toàn bộ máy chỉ đạo và xây dựng kế hoạch triển khai ở tất cả bộ, ngành, địa phương:* Chính phủ và các bộ, ngành đã thúc đẩy kiện toàn bộ máy chỉ đạo để bảo đảm triển khai chuyển đổi số đồng bộ từ trung ương đến địa phương. Theo báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Phiên họp lần thứ nhất Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học và công nghệ (KH-CN), đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06: “100% các bộ, ngành và 63 tỉnh, thành phố đã thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số và ban hành kế hoạch hành động để triển khai”<sup>(2)</sup>. Các địa phương cũng đã ban hành nghị quyết, chỉ thị và kiện toàn cơ chế điều hành liên quan tới chuyển đổi số nhằm thúc đẩy quá trình triển khai trên thực tế.

*Thứ hai, mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến:* hạ tầng dịch vụ công quốc gia được thiết lập, mở rộng mạnh mẽ; tỷ lệ số hóa thủ tục tăng rõ rệt. Cổng Dịch vụ công quốc gia ([dichvucong.gov.vn](http://dichvucong.gov.vn)) được phát triển thành nền tảng trung tâm, tích hợp hàng nghìn dịch vụ và kết nối với hệ thống cấp bộ, cấp tỉnh. Tính đến quý I/2024, Cổng đã cung cấp khoảng 4.505 dịch vụ công trực tuyến và có hơn 12,17 triệu tài khoản đăng ký cùng với hơn 287 triệu hồ sơ được đồng bộ trên các hệ thống kết nối<sup>(3)</sup>. Tỷ lệ hồ sơ thực hiện trực tuyến và tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) đều có bước tiến rõ rệt. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến của cơ quan trung ương

và địa phương đều tăng đáng kể, cụ thể tỷ lệ hồ sơ trực tuyến của bộ, ngành đạt 46,16%; của địa phương đạt 51,55% trong 06 tháng đầu năm 2024<sup>(4)</sup>. Các chính sách pháp lý và quyết định hành chính cũng được hoàn thiện để thúc đẩy cung cấp dịch vụ công, trong đó có nhiều quyết định của Thủ tướng và Văn phòng Chính phủ đã được kịp thời ban hành, thúc đẩy tích hợp, chuẩn hóa và lộ trình đưa Cổng Dịch vụ công quốc gia thành “một cửa số” duy nhất từ ngày 01/7/2025<sup>(5)</sup>.

*Thứ ba, kết nối liên ngành qua Trục liên thông văn bản và tiến trình đồng bộ dữ liệu quốc gia đạt quy mô lớn:* Hệ thống Trục liên thông văn bản quốc gia đã trở thành xương sống để trao đổi văn bản điện tử và tích hợp mã định danh điện tử phục vụ kết nối dữ liệu giữa các cơ quan. Theo báo cáo tổng kết kết quả chuyển đổi số quốc gia, trong năm 2023 hệ thống đã xử lý hơn 8,2 triệu văn bản điện tử gửi/nhận qua Trục, thể hiện quy mô vận hành lớn và hỗ trợ chỉ đạo điều hành hiệu quả<sup>(6)</sup>. Cùng với đó, các cơ sở dữ liệu quốc gia như cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức; cơ sở dữ liệu dân cư, y tế, bảo hiểm... được ưu tiên đồng bộ.

*Thứ tư, tác động hiệu quả tới quản trị và kinh tế - xã hội:* việc số hóa dịch vụ công đã mang lại lợi ích to lớn về quy mô và tiết kiệm được nhiều chi phí cho ngân sách nhà nước và xã hội do dịch vụ công trực tuyến tạo ra. Theo ước tính từ Văn phòng Chính phủ, ngân sách tiết kiệm khoảng vài nghìn tỷ đồng mỗi năm, ví dụ năm 2019 tiết kiệm được 4.222 tỷ đồng, trong đó tính riêng chi phí tiết kiệm được do thực hiện qua Cổng Dịch vụ công quốc gia khoảng 1.736 tỷ đồng. Con số này sẽ tiếp tục tăng lên, tỷ lệ thuận với số lượng dịch vụ công trực tuyến được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia<sup>(7)</sup>. Năm 2020, ước tính tổng chi phí xã hội tiết kiệm được khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia là hơn 6.700 tỷ đồng<sup>(8)</sup>. Kinh tế số ước đạt khoảng 16,5% GDP của năm 2023<sup>(9)</sup>, kết quả này cho thấy chuyển đổi số đang góp phần thực chất vào cấu phần kinh tế quốc gia và mở rộng thị trường số, thương mại điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt.

### **1.3. Một số hạn chế và thách thức**

*Một là, thể chế, chính sách và khung pháp lý chưa hoàn thiện, thiếu tính bất kịp:* mặc dù đã có nhiều văn bản quan trọng được ban hành, song công tác rà soát, bổ sung các văn bản pháp lý liên quan đến quản trị dữ liệu, định danh điện tử, giao dịch điện tử và chia sẻ dữ liệu còn chậm. Vẫn còn một số chính sách hiện hành chưa thực sự đáp ứng yêu cầu phát triển mở, minh bạch, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan. Bên cạnh đó, việc đề xuất sửa đổi, hoàn thiện khung pháp lý về giao dịch điện tử cũng đang là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cần được nghiên cứu, rà soát để bổ sung hoàn thiện. Sự chậm trễ trong ban hành các văn bản hướng dẫn hoặc sửa đổi các luật liên quan làm cho nhiều địa phương hoặc cơ quan khi triển khai gặp vướng mắc, có nơi muốn chia sẻ dữ liệu nhưng chưa có cơ chế pháp lý ràng buộc để thực hiện.

*Hai là, hạ tầng số, dữ liệu, kết nối giữa các cơ quan chưa đồng bộ:* hạ tầng công nghệ thông tin ở nhiều tỉnh, vùng sâu, vùng xa vẫn còn yếu. Việc đảm bảo kết nối internet băng thông rộng ổn định, trung tâm dữ liệu địa phương chất lượng cao chưa phổ biến. Nhiều cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc địa phương chưa được chuẩn hóa, chia sẻ, dẫn đến tình trạng dữ liệu phải nhập lại dữ liệu nhiều lần. Cơ sở dữ liệu ngành của các bộ, lĩnh vực vẫn chưa kết nối chặt chẽ với dữ liệu quốc gia, điều này làm giảm khả năng ra quyết định dựa trên dữ liệu tổng hợp. Hạ tầng viễn thông và nền tảng số giữa các vùng miền có sự chênh lệch lớn. Ở khu vực đô thị, hạ tầng số phát triển mạnh, nhưng ở vùng sâu, vùng xa, tỷ lệ tiếp cận internet băng rộng còn thấp, gây ra sự phân hóa trong khả năng tiếp cận dịch vụ công trực tuyến... ảnh hưởng trực tiếp đến mục tiêu bao trùm của chuyển đổi số.

*Ba là, nhân lực số, năng lực triển khai hạn chế:* nhiều cán bộ, công chức chưa được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng số để tham gia chuyển đổi số. Tình trạng thiếu đồng bộ về đào tạo, bồi dưỡng còn tồn tại. Trên thực tế, vẫn còn bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức còn lúng túng trong việc ứng dụng công nghệ mới vào xử lý công việc

hàng ngày. Tình trạng “ngại đổi mới”, tâm lý e dè trước công nghệ, cũng là một rào cản trong cải cách hành chính và quản trị công số. Ngoài ra, thiếu đội ngũ chuyên gia về quản trị dữ liệu, an ninh mạng, trí tuệ nhân tạo trong khu vực công cũng là thách thức lớn, dẫn đến sự phụ thuộc nhiều vào doanh nghiệp công nghệ tư nhân, đặt ra vấn đề về bảo mật và chủ quyền số.

*Bốn là, sự bất bình đẳng số, niềm tin xã hội và rủi ro an ninh, bảo mật:* nhìn chung, người dân ở vùng sâu, vùng xa, người cao tuổi hoặc người có thu nhập thấp vẫn thường gặp phải nhiều khó khăn trong tiếp cận dịch vụ công trực tuyến do hạn chế về hạ tầng, thiết bị và kỹ năng số; vấn đề niềm tin của người dân và doanh nghiệp đối với dịch vụ công trực tuyến cũng đang là thách thức lớn. Một bộ phận người dân còn lo ngại về tính bảo mật của dữ liệu cá nhân, tính ổn định của hệ thống, và e dè khi thực hiện các giao dịch số quan trọng như thanh toán trực tuyến hoặc nộp hồ sơ qua mạng. Nếu niềm tin này không được củng cố bằng sự minh bạch, an toàn và hiệu quả trong cung cấp dịch vụ, mục tiêu phổ cập chuyển đổi số sẽ khó đạt được. Bên cạnh đó, hệ thống an toàn, an ninh mạng trong một số cơ quan, địa phương chưa được đầu tư tương xứng; việc bảo vệ dữ liệu cá nhân, kiểm soát truy cập và xử lý sự cố chưa đồng bộ.

## **2. Giải pháp đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị công nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với phát triển bền vững**

*Thứ nhất, hoàn thiện thể chế, chính sách và khung pháp lý về chuyển đổi số trong quản trị công.*

Thực tế ở Việt Nam cho thấy, các vấn đề như quản trị dữ liệu mở, bảo vệ dữ liệu cá nhân, định danh và xác thực điện tử, hay cơ chế chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước chưa được quy định đầy đủ, khiến nhiều bộ, ngành và địa phương gặp lúng túng trong triển khai. Vì vậy, cần ưu tiên xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp lý đồng bộ và toàn diện về dữ liệu và quản trị số. Theo đó, cần cụ thể hóa và hoàn thiện các quy định của Luật Dữ liệu, làm cơ sở pháp lý

thống nhất cho việc thu thập, lưu trữ, khai thác, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu. Rà soát và điều chỉnh các luật liên quan như Luật An ninh mạng, Luật Giao dịch điện tử, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng để bảo đảm phù hợp với bối cảnh số hóa toàn diện trong thời đại số hiện nay. Cần có quy định bắt buộc về chuẩn hóa dữ liệu, thiết lập cơ chế chia sẻ dữ liệu liên ngành và xây dựng hạ tầng tích hợp dữ liệu quốc gia để tránh lãng phí, trùng lặp và nâng cao hiệu quả sử dụng dữ liệu. Thúc đẩy hợp tác công - tư trong xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

*Thứ hai, phát triển đồng bộ hạ tầng số và hệ sinh thái dữ liệu quốc gia.*

Mặc dù Việt Nam đã đạt những bước tiến quan trọng như phủ sóng 4G toàn quốc và thử nghiệm 5G ở nhiều đô thị lớn, hay vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với hơn 90 triệu thông tin công dân, nhưng vẫn còn những hạn chế đáng kể. Hạ tầng công nghệ giữa các vùng, miền còn chênh lệch. Nhiều cơ sở dữ liệu chuyên ngành chưa liên thông, dẫn đến tình trạng “cát cứ dữ liệu” gây lãng phí và hạn chế hiệu quả sử dụng. Do đó, phát triển đồng bộ hạ tầng số và hệ sinh thái dữ liệu quốc gia là yêu cầu cấp thiết. Trọng tâm là, phát triển hạ tầng viễn thông số hiện đại, rộng khắp, bảo đảm mọi người dân, doanh nghiệp đều có khả năng tiếp cận dịch vụ số với chất lượng cao và chi phí hợp lý; xây dựng hệ sinh thái dữ liệu quốc gia đồng bộ, liên thông và an toàn, trong đó dữ liệu được coi là tài nguyên chiến lược, được khai thác phục vụ quản trị công, phát triển kinh tế số và nâng cao chất lượng dịch vụ công cho người dân.

*Thứ ba, nâng cao năng lực số và đổi mới phương thức quản trị công.*

Điểm nghẽn lớn nhất hiện nay của chuyển đổi số trong quản trị công tại Việt Nam là hạn chế về năng lực số của đội ngũ cán bộ, công chức và phương thức quản trị truyền thống. Do đó, việc nâng cao năng lực số được xem là giải pháp quan trọng, cần tập trung vào hai trụ cột: nâng cao năng lực số của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và đổi mới phương thức quản trị công theo hướng hiện đại, minh bạch, dựa trên dữ liệu. Đây là điều kiện



tiên quyết để bảo đảm chuyển đổi số không chỉ là việc đầu tư hạ tầng, công nghệ, mà còn gắn liền với sự thay đổi tư duy và hành động của con người trong bộ máy hành chính. Cùng với đó, cần khuyến khích văn hóa đổi mới trong khu vực công; có cơ chế khen thưởng, đánh giá phải dựa trên hiệu quả ứng dụng công nghệ số vào công việc.

*Bốn là, đảm bảo tính bao trùm, công bằng xã hội và củng cố niềm tin số.*

Để bảo đảm mọi công dân đều có cơ hội bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ số và tăng cường niềm tin xã hội đối với các nền tảng và dịch vụ công trực tuyến. Đây vừa là yêu cầu xã hội, vừa là điều kiện để chuyển đổi số phát huy tác động rộng khắp, thay vì chỉ phục vụ một bộ phận có lợi thế về công nghệ. Do đó, cần đầu tư mở rộng hạ tầng số ở vùng khó khăn, bảo đảm người dân vùng sâu, vùng xa có thể tiếp cận internet bằng rộng với chi phí hợp lý; triển khai các chương trình bồi dưỡng kỹ năng số cho người cao tuổi, nông dân, công nhân, qua đó giúp họ biết cách sử dụng dịch vụ công trực tuyến cơ bản như đăng ký giấy tờ, thanh toán điện tử hay tiếp cận an sinh xã hội. Các bộ, ngành liên quan cần phối hợp cùng các tổ chức xã hội để nhân rộng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cộng đồng. Đặc biệt, cần có cơ chế tiếp nhận và xử lý phản hồi nhanh chóng từ người dân để nâng cao trải nghiệm và khẳng định cam kết “lấy người dân làm trung tâm”. Ngoài ra, cần xây dựng cơ chế bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn mạng ở mức cao.

*Năm là, gắn kết chuyển đổi số với mục tiêu phát triển bền vững và tăng trưởng xanh.*

Hiện nay, việc tích hợp mục tiêu tăng trưởng xanh vào chiến lược chuyển đổi số là yêu cầu tất yếu. Để thực hiện giải pháp này cần chú trọng phát triển hạ tầng và dịch vụ số theo hướng “xanh hóa”, thân thiện môi trường; đồng thời sử dụng công nghệ số như một công cụ để hỗ trợ quản lý và giám sát môi trường, hướng tới phát triển bền vững. Đây vừa là trách nhiệm xã hội, vừa là cơ hội để Việt Nam hội nhập với xu hướng toàn cầu về chuyển đổi kép - “số hóa” đi cùng “xanh hóa”. Trước hết, cần thúc đẩy ứng dụng năng

lượng tái tạo và công nghệ tiết kiệm năng lượng trong vận hành hạ tầng số. Các trung tâm dữ liệu quốc gia, hệ thống điện toán đám mây cần được thiết kế theo tiêu chuẩn “xanh”, giảm phát thải và tối ưu hóa tiêu thụ điện; ban hành quy chuẩn kỹ thuật bắt buộc về hiệu quả năng lượng cho hạ tầng số, đồng thời khuyến khích doanh nghiệp công nghệ đầu tư vào các giải pháp năng lượng sạch. Cùng với đó, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý môi trường và phát triển bền vững.

Chuyển đổi số trong quản trị công đang trở thành xu thế tất yếu, gắn liền với tiến trình hiện đại hóa nền hành chính nhà nước và hội nhập quốc tế. Trước những cơ hội và thách thức đan xen đó, việc đề xuất các giải pháp có tính tổng thể, đồng bộ như trên là hết sức cần thiết. Đây không chỉ là những giải pháp khắc phục hạn chế đã chỉ ra, mà còn góp phần đề xuất cách tiếp cận đa chiều để tận dụng tối đa lợi ích từ chuyển đổi số, đồng thời bảo đảm sự phát triển công bằng, bền vững cho toàn xã hội. Chuyển đổi số trong quản trị công ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay không chỉ là một lựa chọn chính sách, mà là một đòi hỏi mang tính lịch sử trong tiến trình hiện đại hóa đất nước; tiến nhanh hơn trên con đường trở thành quốc gia phát triển, có nền kinh tế xanh, số và bền vững trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc./.

---

**Ghi chú:**

- (1) Xem <https://mst.gov.vn/cam-nang-chuyen-doi-so>.
- (2) Xem <https://mst.gov.vn>.
- (3) Xem <https://www.caicachhanhchinh.gov.vn>.
- (4) Xem <https://media.chinhphu.vn/cung-cap-dich-vu-cong-truc-tuyen-cai-thien-ro-ret-trong-6-thang-dau-nam-2024>.
- (5) Xem <https://vpcp.chinhphu.vn>.
- (6) Xem <http://caicachhanhchinh.gov.vn>.
- (7) Xem <https://tuoitre.vn/cong-dich-vu-cong-quoc-gia-se-giup-tiet-kiem-duoc-4-222-ti-dong-nam>.
- (8) Xem <https://vpcp.chinhphu.vn>.
- (9) Xem <https://baochinhphu.vn/kinh-te-so-viet-nam-phat-trien-nhanh-nhat-dong-nam-a-trong-2-nam-lien-tiep>.